

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 04-06-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lương Thị Dân;

2/ Ông A Sơn;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Plông;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **A L**; sinh năm: 1972, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Xê Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A Đi, đã chết và bà Y G, đã chết; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ là Y Kh, sinh năm 1983; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **A Đ**; sinh năm: 1996, tại tỉnh Kon Tum.

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Xê Đăng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin Lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông: A S, sinh năm: 1969 và bà Y B; gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là con thứ ba; bị cáo có vợ là Y Ph, sinh năm 1997; bị cáo có 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: 492 T, Phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chủ tịch.

- *Người đại diện theo uỷ quyền:*

+ Ông Nguyễn Tấn L, chức vụ: Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn Q, chức vụ: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông. Có mặt.

(Theo văn bản ủy quyền số: 378/UBND-NNTN ngày 29/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông;

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Chi nhánh Lâm trường Măng Cành II thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Lâm trường Măng Cành II. Có mặt.

3/ Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Anh A M, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn ĐT, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

5/ Anh Vũ Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn 04, xã HP, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6/ Anh A Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Măng B, xã Măng B, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

7/ Anh Hứa Hoàng G, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố 2, Thị trấn M, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

8/ Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

9/ Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 202 đường B, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

10/ Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 7, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người phiên dịch: Ông A Th - Hội Nông dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 3/2020, A L (SN 1972, HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện K) đi chăn trâu ở khu vực gần lòng hồ thủy điện Thượng Kon Tum thuộc địa bàn xã Đ phát hiện 01 đám cây rừng tự nhiên nằm giữa rừng thông trồng của Nhà nước và lòng hồ thủy điện nên nảy sinh ý định phát rừng làm đất canh tác phục vụ nhu cầu cuộc sống và làm chỗ chăn, thả gia súc. A L về Thôn V rủ A Đ (SN 1996) là cháu của A L, đi phát rẫy cùng. A Đ vì không có đất sản xuất nên khi được A L rủ đi phát rẫy đã đồng ý. Để thực hiện ý định trên, A L và A Đ chuẩn bị và mang theo 01 cưa xẻng, 02 dao rựa đi đến khu vực rừng tự nhiên thuộc khoảnh 5 Tiểu khu

413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý, để phá rừng. Cả hai người chặt bỏ những cây nhỏ, bụi rậm, sau đó thay nhau cầm cưa cắt hạ những cây lớn tạo thành 01 khoảng trống để làm rẫy. A L, A Đ phát được một diện tích rừng khoảng 06 sào, rồi đi về thôn và chờ cho cây khô để tiến hành đốt dọn.

Ngày 15/8/2020, Tổ công tác của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Plông phát hiện việc phá rừng trái pháp luật tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Plông quản lý thuộc xã Đ, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum nên đã lập biên bản. Qua xác minh, tổ công tác đã làm việc và xác định đối tượng A Đ, A L đã thực hiện hành vi phá rừng trái pháp luật nên đã báo cáo Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 25/8/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ việc tại khoảnh 5 Tiểu khu 413, các đối tượng A L, A Đ tham dự việc khám nghiệm và xác định ranh giới phát, phá rừng. Sau khi khám nghiệm hiện trường, tiến hành đo đạc tổng diện tích rừng bị phá trái phép là 6.564,85 m² rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, Hạt kiểm lâm huyện Kon Plông ra quyết định trưng cầu giám định Chi cục kiểm lâm tỉnh Kon Tum với diện tích rừng bị thiệt hại tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý, chức năng phòng hộ. Tại Kết luận giám định ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum xác định: Diện tích rừng bị thiệt hại tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 là 6.712,5 m².

Ngày 17 tháng 12 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông đã ra Quyết định trưng cầu giám định sản lượng, chủng loại, khối lượng các cây gỗ trong diện tích rừng bị hủy hoại. Tại bản Kết luận giám định của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Kon Tum kết luận: Tổng trữ lượng trên diện tích rừng bị thiệt hại là 87,432 m³, sản lượng gỗ bị thiệt hại là 43,561 m³.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 01 ngày 29/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kon Plông kết luận trị giá số gỗ 43,561 m³ có giá trị 122.591.700 đồng. Đối với giám định thiệt hại về môi trường rừng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện không xác định giá được do thiệt hại môi trường rừng thuộc lĩnh vực chuyên ngành có trình độ chuyên môn sâu, Hội đồng không có chức năng thực hiện nên chưa định giá được.

Tại phiên tòa các bị cáo A L và A Đ khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi hủy hoại rừng, bị cáo A L và A Đ đã tự nguyện khắc phục hậu quả, cùng nhau bỏ ra 8.000.000 đồng (mỗi bị cáo 4.000.000 đồng) để mua 2.000 cây thông 3 lá trồng trên toàn bộ diện tích rừng đã hủy hoại. Theo báo cáo của Lâm trường Măng Cành 2, tỷ lệ sống trên toàn bộ diện tích là 72%.

Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kon Plông đã thu giữ:

- 01 con dao quắm có tổng chiều dài 55,5 cm; lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm, bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm.

- 01 con dao quắm có tổng chiều dài 56 cm, lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm; bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm;

- 01 máy cưa màu cam, nhãn hiệu Still; 01 lam cưa dài 70 cm

Tất cả vật chứng trên đều đã qua sử dụng và hiện các vật chứng trên đang được bảo quản tại Kho vật chứng – Công an huyện Kon Plông.

- Đối với vật chứng vụ án là toàn bộ số gỗ (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh lâm trường Măng Cành II) gồm:

- 10,222 m³ gỗ chủng loại chò sọt, nhóm V;
- 2,055 m³ gỗ chủng loại giẻ đỏ, nhóm V;
- 16,980 m³ gỗ chủng loại giẻ trắng, nhóm VII;
- 0,984 m³ gỗ chủng loại hồng tùng, nhóm IV;
- 5,800 m³ gỗ chủng loại sâng, nhóm VI;
- 1,503 m³ gỗ chủng loại bứa, nhóm VI;
- 0,311 m³ gỗ chủng loại thông nạng, nhóm IV;
- 0,751 m³ gỗ chủng loại xoan đào, nhóm VI;
- 0,101 m³ gỗ chủng loại sữa, nhóm VII;
- 0,082 m³ gỗ chủng loại bời lời rừng, nhóm IV;
- 0,122 m³ gỗ chủng loại trám, nhóm VI;
- 0,376 m³ gỗ chủng loại trám trắng, nhóm VI;
- 1,176 m³ gỗ chủng loại giổi, nhóm III;
- 0,251 m³ gỗ chủng loại nong heo, nhóm VI;
- 2,884 m³ gỗ chủng loại Sp, nhóm VIII;

Tổng cộng: 43,561 m³ gỗ. Hiện số vật chứng trên Chi nhánh lâm trường Măng Cành II thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông đang quản lý theo quy định.

Tại bản Cáo trạng số: 09/CT - VKS ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố các bị cáo A L và A Đ về tội “*Hủy hoại rừng*” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A L từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo A Đ từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo A L, A Đ là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, làm nông, không có thu nhập ổn

định, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự. Tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ, và yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

Về vật chứng vụ án: Số gỗ bị thiệt hại trong vụ án đang còn tại hiện trường khoảnh 5 Tiểu khu 413 chưa thu gom được (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh lâm trường Măng Cành II). Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum - là chủ sở hữu để xử lý theo thẩm quyền.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý đối với vật chứng 01 con dao quắm có tổng chiều dài 55,5 cm; lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm, bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 56 cm, lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm; bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm đề nghị tịch thu tiêu hủy; Đối với 01 máy cưa màu cam, nhãn hiệu Still; 01 lam cưa dài 70 cm (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông), đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo A L, A Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo A L, A Đ không có ý kiến tranh luận gì; hai bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Chi nhánh Lâm trường Măng Cành II thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông: Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Lâm trường Măng Cành II không có yêu cầu gì.

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu về bồi thường thiệt hại đề ngày 03/6/2021, ông Nguyễn Tấn L trình bày ý kiến về vấn đề bồi thường dân sự có nội dung như sau: Hiện tại, trị giá số gỗ 43,561 m³ có giá trị 122.591.700 đồng nhưng số gỗ này còn tại hiện trường chưa thu gom được. Còn đối với giám định thiệt hại về môi trường rừng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện không xác định giá được. Đề nghị HĐXX tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ, và yêu cầu của nguyên đơn dân sự. Ông Phạm Văn Q nhất trí theo đơn trình bày và đề nghị của ông Nguyễn Tấn L, không có yêu cầu gì khác.

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông: Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Giám đốc có đơn xin xét xử vắng mặt và không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Xuân T, anh A M, anh Vũ Văn T, anh A Q, anh Hứa Hoàng G, anh Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Đức L, anh Nguyễn Quang T đều không có yêu cầu gì.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn L, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Xuân T, anh Vũ Văn T, anh Nguyễn Đức L vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Liêm, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Xuân T, anh Vũ Văn T, anh Nguyễn Đức L theo qui định.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo A L và A Đ đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào cuối tháng 3/2020, bị cáo A L phát hiện 01 đám cây rừng tự nhiên nằm giữa rừng thông trồng của Nhà nước và lòng hồ thủy điện nên nảy sinh ý định phát rừng làm đất canh tác phục vụ nhu cầu cuộc sống và làm chỗ chăn, thả gia súc. A L rủ bị cáo A Đ là cháu của A L, đi phát rẫy cùng và A Đ đã đồng ý. Để thực hiện ý định trên, A L chuẩn bị và mang theo 01 cưa xăng, 01 dao; A Đ mang theo 01 dao đi đến khu vực rừng tự nhiên, chức năng phòng hộ thuộc khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý, để phá rừng. Các bị cáo A L, A Đ đã dùng dao và cưa cắt hạ những cây gỗ tạo thành 01 khoảng trống để lấy đất làm rẫy. Ngày 15/8/2020, Tổ công tác của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Plông phát hiện việc phá rừng trái pháp luật tại Khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Plông quản lý thuộc xã Đ - Kon Plông - Kon Tum đã lập biên bản xử lý theo thẩm quyền.

[3] Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường và kết quả định giá xác định diện tích rừng bị thiệt hại do A L và A Đ chặt phá tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý, chức năng phòng hộ. Diện tích rừng bị thiệt hại là 6.712,5 m², sản lượng gỗ bị thiệt hại là 43,561 m³ có giá trị 122.591.700 đồng. Đối với giám định thiệt hại về môi trường rừng Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện không xác định giá được do

thiệt hại môi trường rừng thuộc lĩnh vực chuyên ngành có trình độ chuyên môn sâu, Hội đồng không có chức năng thực hiện.

[4] Xét hành vi của các bị cáo: Hành vi dùng 02 dao (rựa) và 01 cưa xăng chặt hạ cây rừng với mục đích phá rừng làm nương rẫy của các bị cáo A L và A Đ tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý, chức năng phòng hộ với diện tích rừng bị thiệt hại là 6.712,5 m², sản lượng gỗ bị thiệt hại là 43,561 m³ có giá trị 122.591.700 đồng đã phạm vào tội “*Hủy hoại rừng*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 09/CT-VKS ngày 12/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo A L và A Đ về tội : “*Hủy hoại rừng*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày quan điểm luận tội đối với các bị cáo là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần được chấp nhận để Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt và các vấn đề khác đối với các bị cáo.

[5] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả nặng nề khác cho đời sống xã hội. Pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi hủy hoại tài nguyên rừng bởi rừng là tài nguyên quý báu của đất nước, là bộ phận quan trọng của môi trường sinh thái, có giá trị to lớn đối với nền kinh tế, gắn liền với đời sống của nhân dân. Các bị cáo A L, A Đ là người có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, hoàn toàn nhận thức được tính nguy hiểm của hành vi mình thực hiện, hiểu biết pháp luật và được tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng nhưng chỉ vì mục đích phá rừng để làm nương rẫy, phát triển kinh tế gia đình mà các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, các bị cáo đã cố ý thực hiện và xâm phạm đến lợi ích chung của cộng đồng đã chặt phá rừng phòng hộ. Hơn nữa, hiện nay tình hình tội phạm trên địa bàn huyện Kon Plông đang có chiều hướng gia tăng, nhất là tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy diễn ra công khai, xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của Nhà nước, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo A L, A Đ đã chặt phá phòng hộ với diện tích rừng bị thiệt hại tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 là 6.712,5 m², sản lượng gỗ bị thiệt hại là 43,561 m³ trị giá 122.591.700 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của các bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt đồng thời có tác dụng tuyên truyền giáo dục, phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, hai bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể mà khi A L rủ A Đ đi phá rừng để lấy đất làm rẫy thì A Đ thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm.

Đối với A L là khởi xướng, rủ rờ A Đ là cháu của A L tham gia đi chặt phá rừng làm nương rẫy. A Đ vì không có đất sản xuất nên khi được A L rủ thì đồng ý. Để thực hiện hành vi hủy hoại rừng lấy đất làm nương rẫy, A L và A Đ chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội là 01 cưa xăng và 02 dao rựa đến khu vực tại khoảnh 5, tiểu khu 413 lâm phần do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông quản lý để phá rừng. Bị cáo A L biết việc cưa, chặt phá rừng phòng hộ là vi phạm pháp luật nhưng vẫn rủ rờ A Đ thực hiện, vì vậy A L đóng vai trò vừa là người chủ mưu, người thực hành trong vụ án nên phải chịu mức hình phạt cao hơn.

Đối với A Đ, là người được A L rủ đi chặt phá rừng lấy đất làm nương rẫy nên vai trò vừa là người thực hành, người giúp sức trong vụ án nên chịu mức hình phạt thấp hơn A L.

[6] Về đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về đặc điểm nhân thân: Các bị cáo có nhân tốt, không có tiền án, tiền sự;

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo A L, A Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng nào;

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, và đã cùng nhau khắc phục một phần hậu quả thiệt hại, các bị cáo đã bỏ ra 8.000.000 đồng (mỗi bị cáo 4.000.000 đồng) để mua 2.000 cây thông 3 lá trồng lại trên diện tích rừng mà bị cáo đã chặt phá và tỷ lệ sống theo báo cáo của Lâm trường Măng Cành 2, tỷ lệ sống trên toàn bộ diện tích là 72%, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sống tại vùng kinh tế khó khăn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, phạm tội vì nhu cầu lấy đất làm nương rẫy, nên hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, làm nông, không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét thấy, ý kiến của đại diện nguyên đơn dân sự về vấn đề bồi thường thiệt hại là phù hợp, việc tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Xuân T; anh A M; anh Vũ Văn T; anh A Q ; anh Hứa Hoàng G; anh Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Đức L; anh Nguyễn Quang T không có yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét,

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng vụ án là toàn bộ số gỗ tại hiện trường đã được bàn giao giao cho Chi nhánh lâm trường Măng cành II thuộc Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Plông quản lý theo quy định (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh

lâm trường Măng Cành II). Xét thấy, số vật chứng trên là tài sản thuộc sở hữu nhà nước mà UBND tỉnh Kon Tum là đại diện chủ sở hữu hợp pháp. Việc giao lại cho chủ sở hữu không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án, nên Hội đồng xét xử giao cho chủ sở hữu là UBND tỉnh Kon Tum (Nguyên đơn dân sự trong vụ án) số vật chứng trên để xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng gồm: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 55,5 cm; lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm, bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 56 cm, lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm; bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội hủy hoại rừng. Xét thấy những vật chứng này không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 máy cưa màu cam, nhãn hiệu Still; 01 lam cưa dài 70 cm là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét thấy còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[9] Đối với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông là đơn vị được UBND tỉnh giao quản lý, sử dụng đối với diện tích rừng nói trên, đề nghị công ty phối hợp với các chi nhánh lâm trường, các cơ quan, ban ngành có liên quan, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng để hạn chế, ngăn chặn tình trạng chặt phá, hủy hoại rừng.

[10] Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cán bộ lâm trường được phân công nhiệm vụ trực tại các chốt, trạm Quản lý bảo vệ rừng phải thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, báo cáo và tham mưu đề xuất xử lý các hành vi vi phạm về quản lý bảo vệ rừng đảm bảo theo qui định.

[11] Trong vụ án này có Nguyễn Quang T là người được bị cáo A L hứa hẹn cho đất sau khi phát rẫy nhưng anh Thái không biết việc A L và A Đ chặt phá rừng phòng hộ để lấy đất làm nương rẫy và anh Thái cũng không có tham gia phá rừng cùng với A L và A Đ. Các bị cáo cũng khai là anh Nguyễn Quang T không có liên quan gì đến việc chặt phá rừng tại khoảnh 5 Tiểu khu 413 nên HĐXX không đề cập.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo A L, A Đ phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[13] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo A L và A Đ phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo A L 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo A Đ 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, làm nông, (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh lâm trường Măng Cành II) không có thu nhập ổn định, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự, tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đầy đủ căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, giao cho chủ sở hữu là UBND tỉnh Kon Tum (Nguyên đơn dân sự trong vụ án) số vật chứng còn tại hiện trường (Theo Biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 15/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi nhánh lâm trường Măng Cành II) để xử lý theo quy định của pháp luật, gồm:

- 10,222 m³ gỗ chủng loại chò sọt, nhóm V;
- 2,055 m³ gỗ chủng loại giẻ đỏ, nhóm V;
- 16,980 m³ gỗ chủng loại giẻ trắng, nhóm VII;
- 0,984 m³ gỗ chủng loại hồng tùng, nhóm IV;
- 5,800 m³ gỗ chủng loại sâng, nhóm VI;
- 1,503 m³ gỗ chủng loại bứa, nhóm VI;
- 0,311 m³ gỗ chủng loại thông nang, nhóm IV;
- 0,751 m³ gỗ chủng loại xoan đào, nhóm VI;
- 0,101 m³ gỗ chủng loại sữa, nhóm VII;
- 0,082 m³ gỗ chủng loại bời lời rừng, nhóm IV;
- 0,122 m³ gỗ chủng loại trám, nhóm VI;
- 0,376 m³ gỗ chủng loại trám trắng, nhóm VI;
- 1,176 m³ gỗ chủng loại giổi, nhóm III;
- 0,251 m³ gỗ chủng loại nong heo, nhóm VI;
- 2,884 m³ gỗ chủng loại Sp, nhóm VIII;

Tổng cộng: 43,561 m³ gỗ. Hiện số vật chứng trên Chi nhánh lâm trường Măng Cành II thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông đang bảo quản.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 máy cưa màu cam, nhãn hiệu Still; 01 lam cưa dài 70 cm.

Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 con dao quắm có tổng chiều dài 55,5 cm; lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm, bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03cm; 01 con dao quắm có tổng chiều dài 56 cm, lưỡi dao bằng kim loại (được mài sắc một đầu) dài 28 cm; bản rộng nhất 4,5 cm, cán dao bằng gỗ được bo tròn, đường kính 03 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/5/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Plông).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo A L, A Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/6/2021) các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, có quyền làm đơn kháng cáo bản án để xin xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được qui định theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6 điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Plông;
- Chi cục THADS huyện Kon Plông;
- Công an huyện Kon PLông;
- Các bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Đăng Lễ